SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH** Số: 249 /TMBG-BVĐK V/v: Yêu cầu báo giá mua sắm vật tư y tế	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Tuyên Quang, ngày 30 tháng 8 năm 2024*

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: "Mua vật tư Can thiệp điện quang năm 2024 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang" với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ông (bà): Trần Tiến Phi.

- Chức vụ: Nhân viên phòng Vật tư – Thiết bị y tế, bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang.

- Số điện thoại: 0328.166.996

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Địa chỉ tiếp nhận báo giá: Phòng văn thư, bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 30 tháng 8 năm 2024 đến ngày 13 tháng 9 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá:

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng keo thun co giãn có keo	Băng thun, cotton 100%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, lực dính ≥2 N/cm, co giãn ≥ 90%, có kiểm tra vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	**300**
2	Bộ khăn chụp mạch BQ2	Khăn trải bàn màu M kích thước 120x140cm; Khăn chụp mạch BQ2 220x370cm; Bao kính chắn chì 1 cái 80x90 (dài) cm 01 cái; 02 khăn không keo thấm 15x60cm;01 chén nhựa 100ml 250ml; 01 chén nhựa 100 ml; 01 chén nhựa 500ml; 01 khay nhựa 27 (w)x35 (l)x7(h)cm	Bộ	**200**
3	Bộ bơm bóng áp lực cao	Chất liệu Polycarbonate, đồng hồ áp lực, cò dạng bấm , dây nối áp lực kèm khóa 3 ngã xoay 360 độ Áp lực tối đa 30 Atm, Thể tích bơm ≥ 25 ml, mặt đồng hồ áp lực huỳnh quang thấy được trong điều kiện tối Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE Đi kèm van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm, dây nối áp lực cao chiều dài ≥18cm, đường kính lớn 10Fr, dụng cụ lái dây dẫn, cây đẩy. Tiệt trùng bằng EO	Cái	**10**
4	Bộ dụng cụ mở đường mạch đùi	Bộ dụng cụ mở đường đùi bao gồm: vỏ sheath, que nong, dây dẫn đường, và kim chọc mạch. - Vỏ sheath được thiêt kế độ cản quan tốt đồng thời giúp tăng lực đẩy cũng như độ trơn mượt trong mạch máu. Có van cầm máu an toàn. - Đủ các cỡ 5F, 6F, 7F, 8F dài ≥11cm mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Chiều dài que nong: ≥169 mm - Dây dẫn đường làm bằng thép không rỉ, đường kính 0.035" và 0.038”, dài ≥45cm, - Kim chọc mạch cỡ 18G x ≥ 7cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	**5F = 300** **6F = 150** **7F = 100** **8F = 100**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
5	Bộ van cầm máu (Van cầm máu chữ Y)	Thiết kế block body, 2 cổng hoặc 3 cổng. Chịu được áp lực cao đến ≥ 600 psi. Van khóa Ergonomic xoay 3 hướng, dễ dàng, mềm mại, màu trắng. Trong suốt dễ dàng quan sát dòng chảy và phát hiện bọt khí. Đầu nối Luer tương thích cổng Male / Female . Khóa Male dạng xoay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, GMP-FDA.	Cái	**200**
6	Bơm tiêm đầu xoáy	Bơm tiêm 1ml, 3ml, 10ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO 13485, CE. - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Có nhiều màu sắc khác nhau: có ≥ 7 màu sắc khác nhau để phân biệt.	Cái	**Loại 1 ml = 300 cái** **Loại 3 ml = 150 cái** **Loại 50ml = 200 cái**
7	Xilanh dùng cho máy bơm thuốc cản quang	Xilanh 150ml tương thích với máy bơm thuốc cản quang Illumena Néo tại bệnh viện. Một bộ gồm: 1 xilanh 150ml bằng chất liệu PET trong suốt với piston bằng nhựa ABS, 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE. Chịu áp lực cao ≥350psi, không chứa DEHP. Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA. Tiệt khuẩn bằng E.O.	Cái	**200**
8	Bóng nong động mạch cảnh	- Chiều dài bóng ≥15, 20, 30 và 40 mm - Chiều dài ống thông ≥80 và 135 cm - Tương thích ống thông 6F cho tất cả các kích thước bóng và với dây dẫn ngắn nhất ≥ 130 cm - Chất liệu bóng bền XCELON - trục hỗ trợ thuôn nhỏ dần ở trong ống thông cho nâng cao khả năng đẩy và chống gẫy gập - Thân và bóng phủ kỵ nước cho giảm ma sát - Dây dẫn 0.014" cho dễ dàng đi qua tổn thương - Áp lực định danh ≥ 8 atm, Áp lực tối đa ≥ 14 atm cho tất cả các kích thước Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	**25**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
9	Bóng nong mạch ngoại vi áp lực cao, tương thích dây dẫn 0.035"	Bóng nong mạch máu ngoại biên áp lực cao . Ống thông loại OTW Tương thích wire 0.035" và tương thích với hệ thống 6F, 7F, 8F Hai chỉ điểm của bóng giúp định vị chính xác bóng ật liệu bóng làm bằng Nylon/Pebax có 5 nếp gấp cho đường kính 10-12mm và 3 nếp gấp cho đường kính 3.0-9.0mm Chiều dài catheter 40cm và 75 cm. Áp lực thường ≥12-14atm. Áp lực vỡ bóng nằm trong khoảng từ 18-27atm Ống tái gấp bóng để thu bóng và dễ dàng tái di chuyển - Đủ kích thước khác nhau: đường kính : 3.0, 4.0, 5.0, 6.0, 7.0, 8.0, 9.0, 10.0, 11.0, 12.0 mm; chiều dài : 20, 40, 60, 80, 100 mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Chứng nhận CE	Cái	**10**
10	Dây bơm thuốc cản quang áp lực cao loại dài	Dây bơm thuốc áp lực cao bằng vật liệu Polyurethane áp lực tối đa dòng chảy ≥1200PSI. Chiều dài từ ≥150 CM Cổng kết nối dạng luer lock hoặc dạng xoay. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	**500**
11	Dây bơm thuốc cản quang áp lực cao dài 15cm-30cm .	- Dây bơm thuốc áp lực, có vật liệu làm bằng PVC hoặc tương đương. - Có đầu khóa xoay kín, an toàn. Đường kính trong ≥1.5mm. Chịu áp lực ≥ 500 PSI. - Chiều dài ≤30 cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Cái	**200**
12	Chạc 3 không dây (loại màu trắng)	Khóa ba chạc có áp suất cao, chịu được áp lực đến 500 psi, đảm bảo kết nối an toàn và tối thiểu các rủi ro. Hoàn toàn trong suốt và chắc chắn, cung cấp khả năng quan sát tối đa dòng chất lỏng và đảm bảo an toàn khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO.	Cái	**300**
13	Dụng cụ để thả hoặc cắt vòng xoắn kim loại (dây đẩy coils, dụng cụ cắt coils) các loại, các cỡ	Kìm cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn. Thông qua đèn báo và tín hiệu chuông phát ra thông tin ngay lập tức cho biết kìm đã sẵn sàng cắt vòng xoắn. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	**2**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
14	Dụng cụ lấy dị vật chất liệu Nitinol nhớ hình dạng thòng lọng	Đường kính vòng 5 tới ≥35mm, chiều dài dụng cụ ≥65cm hoặc ≥120cm, chiều dài ống thông ≥ 48 cm hoặc ≥102cm, kích thước ống thông ≥4F hoặc ≥6F. Mỗi bộ gồm: 1 dụng cụ lấy dị vật (snare), 1 ống thông, 1 dụng cụ mở đường (snare introducer), 1 thiết bị xoáy (torque device) Thiết kế vòng vuông góc 90° Dây cáp chất liệu Nitinol, vòng chất liệu tungsteng mạ vàng. Có marker của ống thông bằng Platinum-Iridium. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	**5**
15	Stent lấy huyết khối	Đường kính: 1.5mm - 6mm; tương thích microcatheter 0.021" ID; chiều dài ≥ 32mm. Cấu trúc Stent có lớp bện đặc biệt cho lực xuyên tâm cao hơn. Thiết bị tái thông mạch máu, kiểm soát 100%, hiển thị toàn bộ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	**50**
16	Vật liệu nút mạch có tải thuốc các cỡ ≤ 300µm.	- Vật liệu nút mạch-Hạt hình cầu gắn hóa chất có các cỡ có kích thước ≤ 300 µm. Điều trị ung thư, khả năng ngậm hóa chất doxorubicin-HCl hoặc irinotecan-HCl lên đến 50mg/1, kích thước đồng cỡ hoặc các cỡ khác nhau, sau pha ngậm hóa chất có thể nở to hơn hoặc không. - Đóng gói: dạng lỏng hoặc khô chứa trong xi lanh hoặc lọ có dung tích ≥ 2ml . - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Ống/Xi lanh	**30**
17	Vật liệu nút mạch có tải thuốc các cỡ > 300µm.	- Vật liệu nút mạch-Hạt hình cầu gắn hóa chất có các cỡ có kích thước > 300 µm. Điều trị ung thư, khả năng ngậm hóa chất doxorubicin-HCl hoặc irinotecan-HCl lên đến 50mg/1, kích thước đồng cỡ hoặc các cỡ khác nhau, sau pha ngậm hóa chất có thể nở to hơn hoặc không. - Đóng gói: dạng lỏng hoặc khô chứa trong xi lanh hoặc lọ có dung tích ≥ 2ml . - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Ống/Xi lanh	**30**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
18	Vật liệu nút mạch không tải thuốc,các cỡ ≤ 500µm.	- Vật liệu nút mạch hình cầu, không gắn hoá chất, các cỡ ≤ 500µm.Không tan trong dung môi, độ đàn hồi cao khi nén mà không bị vỡ, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, tương thích sinh học, -Cản quang, kích thước đồng cỡ hoặc có dải cỡ thích hợp, đóng gói dạng lỏng chứa trong xilanh,dung tích ≥ 2ml, được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Lọ/Ống	**30**
19	Vật liệu nút mạch không tải thuốc, các cỡ ≥ 500µm.	- Vật liệu nút mạch hình cầu, không gắn hoá chất, các cỡ > 500µm.Không tan trong dung môi, độ đàn hồi cao khi nén mà không bị vỡ, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, tương thích sinh học, -Cản quang, kích thước đồng cỡ hoặc có dải cỡ thích hợp, đóng gói dạng lỏng chứa trong xilanh,dung tích ≥ 2ml, được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Lọ/Ống	**30**
20	Hạt nút mạch PVA kích cỡ từ 40µm đến 1200 µm.	- Vật liệu nút mạch PVA -Chất liệu bằng Polyvinyl Alcohol hoặc tương đương. Đa dạng về kích cỡ từ 40µm đến 1200 µm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Lọ/Ống	**20**
21	Hạt nhựa tải thuốc điều trị ung thư gan các cỡ	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl . Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin ≤ 60 phút; thuốc irinotecan ≤ 30 phút. Kích thước hạt: 40 ± 10 µm; 75 ± 15 µm; 100 ± 25 µm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Lọ	**50**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
22	Hạt nhựa tải thuốc điều trị ung thư gan các cỡ	Công thức mới: PEG (Polyethylene Glycol), ái nước, độ nén và đàn hồi cao. - Kích cỡ hạt được hiệu chuẩn chặt chẽ và được đánh dấu nhãn màu giúp dễ nhận diện: ≥100 ± 25 µm (đen), ≥200 ± 50 µm (vàng), ≥400 ± 50 µm (xanh), trình bày dạng ống tiêm nạp sẵn. - Thể tích hạt nút mạch ≥2ml, đóng gói trong 4ml dung dịch đệm muối sinh lý vô trùng (PBS). - Được bổ sung thêm các Sulfonate liên kết để giữ và phóng thích thuốc có kiểm soát trong gan - Vật liệu PEG giúp giảm thời gian tạo thể hỗn dịch nhằm tối đa hóa thời gian tồn tại ở trạng thái hỗn dịch (trên ≥ 2 phút) - Khả năng tải các loại thuốc: Doxorubicin, Irinotecan Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	**30**
23	Hạt nút mạch tạm thời	Vật liệu nút mạch tạm thời, - Vật liệu: làm từ gelatin - Kích thước ≥50µm. - Có tính tương thích sinh học, ưa nước và hấp thụ trong mạch máu. - Mỗi lọ chứa ≥ 100mg vật liệu nút mạch trong điều kiện vô trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Lọ	**15**
24	Keo nút mạch các loại	Thành phần: n- butyl - 2- cyanoacrylate. - Là chất kết dính mô giúp đông cứng khi tiếp xúc với dịch tiết mô qua phản ứng polyme hóa - Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO 13485.	Ống	**100**
25	Keo sinh học dùng cho dị dạng mạch não	Gồm 01 syringe 1ML tiệt trùng đóng sẵn hợp chất Co- Polymer với Iodine – đóng vai trò cản quang. Không bị phân hủy trong Dimethyl sulfoxide (DMSO). Kèm theo một syringe 1ML tiệt trùng đóng sẵn chất DMSO riêng biệt. Chỉ định nút các ổ dị dạng động tĩnh mạch máu não. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	**10**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
26	Khung giá đỡ (stent) mạch não các cỡ	Giá đỡ mạch não dùng cho túi phình cổ rộng để hỗ trợ coil, chất liệu nitinol, ≥16 sợi nitinol bện vào nhau với các mắt lưới kích thước ≥0,8mm. stent có đường kính ≥3.5mm mm, chiều dài ≥17 mm, được chỉ định dùng cho đường kính nòng mạch ≥ 2.0mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	**5**
27	Khung giá đỡ động mạch cảnh tự bung	- Cấu trúc Nitinol thẳng hoặc thuôn - Kích thước mắt lưới thay đổi: Lực ly tâm tăng lên tại nơi tổn thương và lực ly tâm giảm tại mạch lành - Thiết kế mắt lưới giảm thiểu nguy cơ bị kẹt - Mạch thẳng: Đường kính 7, 8, 9, 10 mm, chiều dài: 20, 30 mm - Mạch hai đầu không bằng nhau: 6-8, 7-9, 8-10 mm, chiều dài: 30, 40 mm - Đối với mạch thẳng: Mạch cảnh trong 5.5 đến 6.4 mm dùng size 7.0 mm; mạch 6.4 đến 7.3 mm dùng size 8.0 mm; mạch 7.3 đến 8.2 mm dùng size 9.0 mm; mạch 8.2 đến 9.1 mm dùng size 10.0 mm + Đối với mạch hai đầu không bằng nhau (tapered): Mạch đầu gần (Cảnh ngoài) 6.4 đến 7.3 mm và mạch đầu xa 4.8- 5.5 mm dùng size: 8.0-6.0 mm; Mạch đầu gần 7.3 đến 8.2 mm và mạch đầu xa 5.5- 6.4 mm dùng size: 9.0-7.0 mm; Mạch đầu gần 8.2 đến 9.1 mm và mạch đầu xa 6.4- 7.3 mm dùng size: 10.0-8.0 mm; - Tương thích dụng cụ mở đường: 6F hoặc ống thông can thiệp: 8F Đạt tiêu chuẩn ISO 13485		**5**
28	Kim chọc mạch quay, đùi các cỡ	Kim chọc mạch quay, đùi - Vật liệu làm bằng thép không gỉ. - Kích thước: 18G, 20G có nhiều màu sắc khác nhau. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO 13485, CE	Cái	**1000**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
29	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F, đường kính trong đầu xa 0.072" Đường kính ngoài đầu xa: 6F. Chiều dài ≥ 132 cm. Có nhiều đoạn chuyển tiếp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	**50**
30	Ống hút huyết khối ngoại biên loại lớn các cỡ	Đường kính ngoài đầu gần 8F, đường kính ngoài đầu xa 8F, đường kính trong 6,7F. chiều dài ≥85cm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	**15**
31	Ống thông chụp mạch	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp giữa là lớp đan bằng thép không rỉ - Lớp trong và lớp ngoài là polyurethane rich nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic M Coating - Đường kính lòng ống: ≥1mm Kích cỡ: 5Fr, 4Fr. Chiều dài: ≥65 cm Hình dạng đầu tip: Sử dụng được cho mạch tạng và mạch não Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái	**Dạng Vetrtebral: 30 cái** **Dạng Mani: 50 cái** **Dạng Cobra: 50 cái** **Dạng Shepherd Hook: 30 cái** **Dạng RH: 50 cái** **Dạng Yashiro Type: 40 cái** **Dạng Simmons/ Sidewinder 2: 50 cái**
32	Vi ống thông 1.2-1.8F, có đầu mềm không tách rời, không tương thích DMSO.	- Vi ống thông ái nước dùng trong can thiệp mạch thần kinh, có đầu mềm không tách rời không tương thích với DMSO. - Đường kính ngoài đoạn xa của vi ống thông tối thiểu ≤ 1.2F, tối đa ≥1.8F. - Chiều dài vi ống thông các cỡ ≥150 cm. - Tương thích với các dây dẫn ≥ 0.007". - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Cái	**15**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
33	Vi ống thông cỡ 1.3F-1.5F, có đầu không tách rời, tương thích với DMSO.	- Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch thần kinh có đầu không tách rời tương thích với DMSO. - Đường kính ngoài đầu xa tối thiểu ≥ 1.3F. - Chiều dài vi ống thông ≥ 150cm. - Tương thích với dây dẫn ≥ 0.007". - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Cái	**15**
34	Vi ống thông có thể tách rời ở đầu kèm vi dây dẫn, tương thích DMSO.	- Vi ống thông có thể tách rời ở đầu các loại, kèm vi dây dẫn. - Đầu tách rời có kích thước khác nhau ≥ 1,5cm, tương thích với dây dẫn ≥ 0.007". - Đường kính ngoài đầu xa ≤ 1.5F. - Tương thích DMSO. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	**30**
35	Vi ống thông mạch não có 2 marker thả coils các cỡ đường kính ngoài đầu xa ≤ 1.6 F, chiều dài sử dụng ≥ 155 cm, tương thích DMSO.	- Vi ống thông mạch não có 2 vị trí đánh dấu ở đầu xa thả coil, có phủ chất ái nước,tương thích với DMSO. - Đường kính ngoài đầu xa tối thiểu ≥ 1.3F. - Chiều dài vi ống thông ≥ 160cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	**15**
36	Vi ống thông mạch não có 2 marker thả coils, đường kính ngoài đầu xa trong khoảng 1.7F-1.9F có đầu định hình uốn sẵn các loại thẳng, cong, chiều dài sử dụng ≥ 150cm.	- Vi ống thông mạch não có 2 điểm cản quang đánh dấu ở đầu xa thả coils, lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Có đầu cong uốn sẵn các loại hoặc thẳng. - Chiều dài sử dụng ≥ 150cm. - Đường kính ngoài đầu xa tối thiểu 1.7F -1.9 F, phù hợp với vi dây dẫn ≤ 0.016". - Tương thích DMSO hoặc không. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	**15**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
37	Vi ống thông mạch não có 2 marker thả coils, đường kính ngoài đầu xa cỡ trong khoảng : 2.0F-2.6F, chiều dài sử dụng ≥ 150cm.	- Vi ống thông mạch não có1 đến 2 điểm cản quang đánh dấu ở đầu xa phù hợp với stent lấy huyết khối, lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Có đầu định hình uốn sẵn các loại thẳng, cong. - Chiều dài sử dụng ≥ 150cm. - Đường kính ngoài đầu xa 1.7F - 2.3F, phù hợp với vi dây dẫn ≤ 0.016". - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	**15**
38	Vi ống thông mạch não đường kính ngoài đầu xa các cỡ khoảng từ 1.7Fr - 2.3Fr phù hợp với stent lấy huyết khối, độ dài các loại ≥ 150cm	- Vi ống thông mạch não có1 đến 2 điểm cản quang đánh dấu ở đầu xa phù hợp với stent lấy huyết khối, lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Có đầu định hình uốn sẵn các loại thẳng, cong. - Chiều dài sử dụng ≥ 150cm. - Đường kính ngoài đầu xa 1.7F - 2.3F, phù hợp với vi dây dẫn ≤ 0.016". - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	**20**
39	Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên, cỡ 1.8F	- Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên,lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Đường kính ngoài đầu xa ≤ 1.8F. - Chiều dài sử dụng ≥ 100cm. - Tương thích với vi dây dẫn ≤ 0.016", có kèm vi dây dẫn hoặc không. - Đầu xa có điểm đánh dấu cản quang. - Thiết kế loại đầu thẳng hoặc đầu cong các loại. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA,CE hoặc tương đương.	Cái	**30**
40	Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên cỡ từ 1.9F đến 2.0F	- Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên,lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Đường kính ngoài đầu xa ≥ 1.9F hoặc ≤2.0F. - Chiều dài sử dụng ≥ 130cm. - Tương thích với vi dây dẫn ≤ 0.016", có kèm vi dây dẫn hoặc không. - Đầu xa có điểm đánh dấu cản quang. - Thiết kế loại đầu thẳng hoặc đầu cong các loại. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	**30**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
41	Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên cỡ 2.1F đến 2.5F	- Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên,lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Đường kính ngoài đầu xa ≥ 2.1F hoặc ≤ 2.5F. - Chiều dài sử dụng ≥ 130cm (±5%). - Tương thích với vi dây dẫn các loại có đường kính ≤ 0.021", có kèm vi dây dẫn hoặc không. - Đầu xa có điểm đánh dấu cản quang. - Thiết kế loại đầu thẳng hoặc đầu cong các loại. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	**100**
42	Vi ống thông đồng trục gồm cả vi dây dẫn mạch gan/ngoại biên cỡ 2.6-2.7F	- Vi ống thông can thiệp mạch tạng/ngoại biên,lõi thép không rỉ, phủ lớp ái nước. - Đường kính ngoài đầu xa 2.6F - 2.7F. - Chiều dài sử dụng ≥ 130cm - Tương thích với vi dây dẫn các loại có đường kính ≤ 0.021", có kèm vi dây dẫn . - Đầu xa có điểm đánh dấu cản quang. - Thiết kế loại đầu thẳng hoặc đầu cong các loại. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	**50**
43	Ống thông dẫn đường kép can thiệp thần kinh (gồm 6F và 5F)	- Ống thông dẫn đường kép 2 nòng, chất liệu PTFE hoặc tương đương. - Kích cỡ 6F và 5F. - Ống thông ngoài dài ≥ 90cm . - Ống thông trong dài ≥ 110cm - Ống thông chịu được áp lực ≥750 PSI. - Đầu ống thông có nhiều hình dạng đầu cong khác nhau, phủ ái nước. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Cái	**30**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
44	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) các loại, các cỡ	Ống thông dẫn đường kép 2 nòng chất liệu PTFE có phủ Hydrophilic đầu mềm, có nhiều hình dạng đầu cong khác nhau, kích cỡ 6F và 5F. Ống thông ngoài dài ≤95cm trong đó đầu xa dài ≥7cm, ống thông nòng trong dài ≥117cm, chiều dài đầu xa ≥7cm, chiều dài đoạn phủ Hydrophilic ≥ 15cm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	**40**
45	Ống thông dẫn đường can thiệp 6F	Kích cỡ 6F. Đường kính trong: 0.070". Chiều dài: ≥105cm. Đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Cái	**10**
46	Vi dây dẫn dùng cho mạch não, có đường kính 0.07" dài tối thiểu 200cm, đầu mềm cản tia X.	-Vi dây dẫn siêu nhỏ phù hợp cho mạch thần kinh, ái nước, chất liệu đầu gần làm bằng thép không rỉ, đầu xa làm bằng nitinol hoặc platinum giúp định hình tốt chống gãy gập,có đường kính khoảng 0.007", chiều dài ≥ 200cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Cái	**30**
47	Vi dây dẫn đường kính 0.008", dài tối thiểu 200 cm, đầu mềm cản tia X dài khoảng 10 cm.	-Vi dây dẫn siêu nhỏ phù hợp cho mạch thần kinh, ái nước, chất liệu đầu gần làm bằng thép không rỉ, đầu xa làm bằng nitinol hoặc platinum giúp định hình tốt chống gãy gập,có đường kính khoảng 0.008", chiều dài ≥ 200cm, có đầu xa mềm cản tia X dài ≥10 cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương .	Cái	**30**
48	Vi dây dẫn dùng cho mạch não, đường kính 0.010", chiều dài 200cm - 300cm, đầu mềm cản tia X.	- Vi dây dẫn phù hợp cho mạch thần kinh đường kính 0.010", chiều dài khoảng 200-300 cm, - Chất liệu thép không gỉ, lớp phủ, ái nước, có đầu mềm cản tia các loại. - Đầu xa thẳng hoặc cong uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE hoặc tương đương.	Cái	**30**
49	Vi dây dẫn dùng cho mạch não, đường kính 0,014", có chiều dài khoảng từ 200cm - 250cm.	- Vi dây dẫn phù hợp cho mạch thần kinh có đường kính khoảng 0.014". - Chiều dài vi dây dẫn khoảng từ 200cm -250cm. - Chất liệu lõi làm bằng thép không rỉ, lớp phủ, có đầu xa mềm cản tia X các loại, ái nước. - Đầu xa thẳng hoặc cong uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Cái	**50**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
50	Vi dây dẫn dùng cho mạch não, đường kính 0.016", chiều dài tối thiểu ≤ 200cm.	- Vi dây dẫn phù hợp cho mạch thần kinh có đường kính khoảng 0.016". - Chiều dài vi dây dẫn tối thiểu ≤ 200 cm. - Chất liệu lõi làm bằng thép không rỉ, lớp phủ, có đầu xa mềm cản tia X, ái nước. - Đầu xa thẳng hoặc cong uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Cái	**20**
51	Vi dây dẫn ngoại biên, phù hợp cho mạch tạng, đường kính 0.014".	- Vi dây dẫn dùng trong can thiệp mạch ngoại biên phù hợp với các mạch tạng, có đường kính khoảng 0.014", đầu mền, phủ lớp ái nước trơn giảm ma sát. - Chiều dài vi dây dẫn tối đa < 200 cm,có đầu xa mềm cản tia X các loại. - Đầu xa thẳng hoặc cong uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	**50**
52	Vi dây dẫn ngoại biên, phù hợp cho mạch tạng, đường kính 0.016".	- Vi dây dẫn ngoại biên có đường kính ≤ 0.016". - Chiều dài vi dây dẫn tối thiểu ≤ 135cm, tối đa ≥190cm. - Đầu xa thẳng hoặc cong uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA hoặc CE hoặc tương đương.	Cái	**20**
53	Dây dẫn cỡ 0.035", có lớp áo bọc ái nước chụp mạch dài 150 cm, đầu thẳng hoặc uốn sẵn.	- Đường kính tối thiểu ≥ 0.018", thân cứng, ái nước, đầu xa mềm cản tia X các loại. - Chiều dài vi dây dẫn tối thiểu ≤ 180cm, tối đa ≥ 300cm. - Đầu xa vi dây dẫn dạng thẳng hoặc uốn sẵn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	**150**
54	Dây dẫn cỡ 0.035", có lớp áo bọc ái nước chụp mạch dài khoảng 250-300 cm , đầu thẳng hoặc uốn sẵn.	- Dây dẫn cỡ ≥ 0.035", có lớp áo bọc ái nước, đầu thẳng hoặc uốn sẵn. - Chất liệu dây lõi kim loại có phủ lớp áo ái nước để tăng tính cản quang và trơn, giảm ma sát. - Đầu thẳng, cong các góc độ, đầu tròn mềm không gây tổn thương. - Đường kính dây dẫn ≥ 0.035". - Chiều dài dây dẫn khoảng 250cm-300cm (±5%). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE hoặc tương đương.	Cái	**100**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
55	Dây dẫn can thiệp cỡ 0.035" và 0.038", loại cứng dạng Amplatz.	- Dây dẫn can thiệp siêu cứng có phủ. - Đường kính các cỡ 0.035" và 0.038". - Cấu trúc thân siêu cứng, phẳng phía ngoài dây, đầu tip thon dần. - Chiều dài dây dẫn các cỡ tối thiểu ≥75cm, tối đa ≤ 260cm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE hoặc tương đương.	Cái	**50**
56	Ống thông mở đường hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên	* Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên * Lớp phủ ái nước giúp tăng độ trơn láng ở ≥40 cm đầu xa. Thân catheter và hub trong suốt giúp quan sát nhanh máu hồi lưu. * Đường kính tiếp cận tổn thương ≥0.018" * Chiều dài catheter: ≥90, ≥135, ≥150 cm * Sheath tương thích nhỏ nhất: 4F Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	**20**
57	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	Đường kính trong đầu xa: 0.035". Đường kính ngoài đầu xa: ≥3,8F; Đường kính ngoài đầu gần: ≥4,7F. Chiều dài làm việc: ≥160cm. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	**30**
58	Vòng xoắn kim loại (coils, matrix coils) các loại, các cỡ dùng cho mạch não	Vòng xoắn bằng platinum. lõi bằng Nitinol. Đường kính sợi coil kích cỡ lớn ≥0.020". Có nhiều kích cỡ khác nhau như: 2mm, 3mm ...đến 32mm. Dạng coil cắt. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	**30**
59	Túi tăng áp lực truyền dịch	- Các bao áp suất kết hợp một áp kế giúp tạo áp suất. - Sử dụng các túi dung dịch hoặc túi máu 500 ml, 1000 ml - Bao đo cotton màu xanh dương bền chắc, với móc treo sử dụng cho các giá đỡ, có thể giặt ở 60oC. - Số chỉ mực độ trong túi chính xác nhờ vào lớp lưới trong trên bao đo. - Áp kế mạ crôm với thang đo nhôm đường kính 49 mm dễ đọc có giá trị lên đến 300 mmHg. - Màng đồng beryllium được tôi luyện đặc biệt. - Miếng lót nhựa, chịu áp suất. - Quả bóp bơm phồng dạng không nhựa mủ.	Cái	**5**

STT	Tên Hàng hóa	Cấu hình, thông số kỹ thuật chung hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
60	Túi chụp bóng đèn máy DSA	- Làm bằng nhựa trong suốt, vô trùng , xung quanh viền có chun co giãn, - Có 2 cỡ 60 x 90 mm và 45 x 60 mm	Cái	**Cỡ túi 60 x 90 = 500** **Cỡ túi 45 x 60 = 500**
61	Túi bọc đầu dò siêu âm	- Làm bằng nhựa trong suốt, vô trùng, dùng để bọc đầu dò siêu âm khi can thiệp	Cái	**500**
62	Kim chiba	- Được sử dụng để sinh thiết tế bào qua đường mật và ứng dụng qua da thường quy. - Đầu vát - Làm bằng thép không gì - Đường kính: 18, 20; 22G; Chiều dài: 15cm, 20cm; 28cm	Cái	**500**
63	Stent đường mật bằng kim loại phủ toàn bộ	- Có nhiều loại kích cỡ: đường kính 8mm (24Fr), 10mm (30Fr); chiều dài từ 60mm, 80mm, 100mm - Thiết kế phủ toàn bộ bằng Polymer - Dùng được khi sử dụng qua da hoặc qua nội soi - Dễ dàng đặt với marker chắn bức xạ ở trên stent cho phép đặt dưới nội soi hoặc huỳnh quang - Loại bỏ dễ dàng và an toàn với cơ chế rút chỉ	Cái	**5**
64	Bộ dẫn lưu ổ bụng, áp xe, mật, thận các loại, các cỡ	- Chiều dài: Từ 25cm đến 30 cm; - Đường kính: Từ 6Fr đến 16Fr; - Khả năng tương thích dây dẫn: 0.035 "; - Làm bằng chất liệu polyurethanen - Phần xoắn dạng đuôi lợn với lỗ thông lớn - Hệ thống ma sát thấp, chống xoắn, tương thích sinh học cao, đàn hồi tốt - Hệ thống locking - Trọn bộ bao gồm: dao nhọn hình tam giác, và dụng cụ làm cứng ống dẫn lưu, ống dẫn lưu phủ Hydrophilic và khoá – locking	Cái	**20**

2. Địa điểm cung cấp: Giao hàng tại Kho vật tư – hóa chất của bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang, số 44, đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III, Quý IV năm 2024.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Thanh toán 100% sau khi chủ đầu tư nhận được đầy đủ hàng hóa, hóa đơn và các giấy tờ pháp lý liên quan.

- Tối đa 90 ngày kể từ ngày 2 bên thanh lý hợp đồng.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không có.

Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT; PVT-TBYT;

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH TUYÊN QUANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Hưng Đạo